

Bản án số: 454/2021/HS-PT

Ngày 06 – 12 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 444/2021/TLPT-HS ngày 06 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Võ Ngọc Th do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 205/2021/HS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo: **Võ Ngọc Th** (tên gọi khác: **Tr**), sinh năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 266/36A/3 BVĐ, Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Ấp KC, xã KH, huyện CN, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc Th1 (đã chết) và bà Võ Thị D; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm: 1992, con nhỏ sinh năm: 2011; tiền sự: Không; tiền án:

+ Bản án số 252/HSST ngày 16/11/1994 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”. Chưa được xóa án tích.

+ Bản án số 217/HS/ST ngày 15/12/1994 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với hình phạt 02 năm tù của Bản án số 252/HSST ngày 16/11/1994 của Tòa án

nhân dân tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo Võ Ngọc Th phải chấp hành hình phạt 04 năm tù. Chưa được xóa án tích.

+ Bản án số 60/HSST ngày 09/01/1999 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”. Chưa được xóa án tích (do chưa thi hành phần án phí và bồi thường dân sự).

+ Bản án số 108/2021/HS-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố DA, tỉnh Bình Dương, xử phạt bị cáo Võ Ngọc Th 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Th chưa thi hành án.

Nhân thân: Ngày 30/8/1989, bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt Võ Ngọc Th 12 tháng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2020, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Võ Ngọc Th: Ông Đỗ Hải B – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2007 đến tháng 4/2008, Võ Ngọc Th trú tại số 266/36A/3 BVĐ, phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã móc nối với các tài xế xe container để đưa xe về các bến bãi do Nguyễn Đức Toàn A (tên gọi khác là C, không có chỗ ở nhất định) chuẩn bị từ trước. Sau đó cho các đối tượng khác phá khóa thùng container, trộm cắp một phần hàng hóa và mang đi bán tại những địa điểm do Th chỉ định để lấy tiền chia nhau. Kết quả điều tra đã chứng minh, Võ Ngọc Th cùng đồng phạm đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai, tổng trị giá tài sản bị thiệt hại là 1.586.394.660 đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng đầu tháng 12/2007, Công ty TNHH RN Việt Nam (địa chỉ: đường số 2, Khu công nghiệp ĐA, huyện TA, tỉnh Bình Dương) điều xe đầu kéo BKS 57L-2176 do lái xe Diệp Minh S điều khiển, vận chuyển hàng bếp ga từ kho của nhà máy đến Cảng IDC Phước Long II, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối tượng V (không xác định được nhân thân lai lịch) đã móc nối với S đưa xe về bãi xe trên đường LVC để cho băng nhóm của Võ Ngọc Th tổ chức trộm cắp hàng. Th chỉ đạo và tìm nơi tiêu thụ, Nguyễn Đức Toàn A kiểm tra hàng và điều người, Lun Văn H, Nguyễn Hoàng T khoan phá cửa thùng container và cùng các đối tượng khác (không xác định được lai lịch) bốc vác hàng trộm cắp đưa cho V mang đi tiêu thụ ở đâu không rõ. Số lượng bếp

ga RN trộm cắp được, Võ Ngọc Th và các đối tượng không nhớ chính xác và không được V chia tiền.

Trị giá tài sản bị thiệt hại (105 bếp ga) của Công ty RN Việt Nam là 164.054.000 đồng.

Vụ thứ 2: Ngày 11/12/2007, Công ty TNHH PK Việt Nam (địa chỉ tại Đường số 3, Khu công nghiệp ĐA, huyện TA, tỉnh Bình Dương) nhập khẩu lô hàng vải thun và thuê Công ty TNHH TH (địa chỉ tại: G5 ĐBP, Phường 25, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh) vận chuyển. Cùng ngày, Công ty TNHH TH điều lái xe Nguyễn Đức T1 (sinh năm 1981, trú tại: số 55/19/9 khu phố 1, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai) và phụ xe Vũ Tr1 Đ (sinh năm 1984, trú tại: thôn TT, xã TT, huyện PX, tỉnh Hà Tây), điều khiển xe đầu kéo biển số 51LD-5941 vận chuyển lô hàng vải thun được đóng trong container số HAMU4000066, số seal 906178, số bill STIX12700965 từ cảng VIET Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh về trụ sở Công ty TNHH PK. Do đã có thỏa Th từ trước, nên Võ Ngọc Th, Nguyễn Th2 (sinh năm 1978, trú tại: số 15, tổ 4, khu phố 4, phường PLB, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Đức Toàn A đã bàn bạc với T1 và Đ đưa xe về bãi xe trên đường LVC (gần Bệnh viện đa khoa TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh) do Phạm Văn T2 quản lý để thực hiện hành vi trộm cắp. Theo Toàn A phân công, Nguyễn Hồng T3 (sinh năm 1983, trú tại: ấp Trung, xã TQ, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp) làm nhiệm vụ canh giới, Lun Văn H (sinh năm 1985, trú tại: số 2/3 khu phố 3, phường HP, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh) và Nguyễn Hoàng T (sinh năm 1987, trú tại: số 16/91, khu phố 8, phường TT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh) trực tiếp dùng khoan, búa, đục phá cửa thùng container, sau đó H, T cùng với Nguyễn Văn Ng (sinh năm 1989, trú tại: số 148 TĐ, phường 8, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh) và các đối tượng U, Q, H1, Ph, T4 (không xác định được nhân thân lai lịch) bốc vác lấy trộm được 241 cây vải thun các loại đưa lên xe ô tô tải (không xác định được số xe) mang đi bán cho Du S (sinh năm 1968, trú tại: số 197/7/2 VVN, phường LC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 14.000đ/kg, thu được 42.000.000 đồng.

Số tiền thu được, Toàn A trực tiếp trả tiền bãi xe 1.500.000 đồng, tiền thuê xe tải 800.000 đồng, còn lại chia nhau Th và Toàn A mỗi người 1.800.000 đồng, Th2 5.000.000 đồng, T1 25.000.000 đồng, Đ 3.000.000 đồng, H 1.700.000 đồng, T 1.000.000 đồng, T3 300.000 đồng, Nghĩa 150.000 đồng và các đối tượng tham gia bốc xếp khác.

Trị giá tài sản bị thiệt hại (241 cây vải thun các loại) của Công ty TNHH PK Việt Nam là 393.700.000 đồng.

Vụ thứ 3: Tháng 12/2007, Công ty cổ phần bao bì PP Bình Dương (địa chỉ tại Lô 89, đường số 6, Khu công nghiệp ST1, huyện DA, tỉnh Bình Dương), mua lô hàng hạt nhựa và thuê Công ty TNHH TH vận chuyển từ cảng CL, Quận 2, Thành phố Hồ

Chí Minh về kho của Công ty. Cùng ngày, Công ty TNHH TH điều lái xe Nguyễn Đức T1 và phụ xe Vũ Tr1 Đ điều khiển xe đầu kéo biển số 51LD-5941 vận chuyển lô hàng trên được đóng trong container số MSKU9518167, số seal MLOM0021396, nên T1, Đ tiếp tục móc nối với Võ Ngọc Th, Nguyễn Th2, Nguyễn Đức Toàn A đưa xe về bãi xe CX, tỉnh Đồng Nai để trộm cắp. Toàn A phân công: Nguyễn Hồng T3 canh giới, Lun Văn H và Nguyễn Hoàng T dùng khoan, búa, đục phá cửa thùng container và cùng 08 đối tượng khác (không xác định được lai lịch) bốc vác trộm được 220 bao hạt nhựa cho lên xe tải mang bán cho Trà Thanh H2 (sinh năm 1977, trú tại: số 25/51A, khu phố BM2, huyện DA, tỉnh Bình Dương) được 99 triệu đồng.

Số tiền thu được chia nhau: Th hưởng 17.500.000 đồng, Toàn A hưởng 26.000.000 đồng, Th2 7.000.000 đồng, T1 26.000.000 đồng, Đ 7.000.000 đồng, H 1.500.000 đồng, T 2.000.000 đồng, Nguyễn Hồng T3 500.000 đồng; trả tiền thuê xe tải 1.000.000 đồng, tiền bãi xe 1.000.000 đồng. Số còn lại trả cho các đối tượng tham gia bốc vác khác.

Trị giá tài sản bị thiệt hại (220 bao hạt nhựa) của Công ty cổ phần bao bì PP Bình Dương là 121.434.060 đồng.

Vụ thứ 4: Đầu tháng 3/2008, Công ty hữu hạn sợi TN Việt Nam (địa chỉ tại: số 9 đường 17A, Khu công nghiệp BH2, tỉnh Đồng Nai) nhập khẩu 02 lô hàng bông và thuê Công ty NH vận chuyển hàng từ cảng VIET, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh về kho của Công ty. Ngày 08/3/2008, Công ty NH điều lái xe Nguyễn Đức T1 điều khiển xe đầu kéo biển số 57K-5838 vận chuyển 01 lô hàng bông được đóng trong container số TRLU 4670820, số SEAL 063812/9005199, nên T1 đã móc nối và thỏa Th với Võ Ngọc Th, Nguyễn Đức Toàn A, Nguyễn Th2 đưa xe về bãi xe của Công ty TNHH dịch vụ vận tải NTB (số 1500/3C, Quốc lộ 1A, phường APĐ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh), để lấy trộm hàng. Lun Văn H và Nguyễn Hoàng T chịu trách nhiệm khoan phá cửa thùng container, Nguyễn Hồng T3 làm nhiệm vụ canh giới. Sau đó H, T, T3, Nguyễn Văn Ng cùng với 10 đối tượng khác (không xác định được lai lịch) lấy trộm và bốc vác được 10 kiện bông và vận chuyển đến bán cho Du S theo sự chỉ đạo của Th và Toàn A với giá 4.500 đồng/kg, thu được 66.000.000 đồng.

Số tiền bán tài sản trộm cắp, Th được hưởng 11.400.000 đồng, Toàn A hưởng 16.350.000 đồng, Th2 5.000.000 đồng, H 1.300.000 đồng, T 1.500.000 đồng, T3 300.000 đồng, T1 23.000.000 đồng, Nguyễn Văn A1 (bảo vệ) 400.000 đồng, Lê Văn Đ1 (bảo vệ) 600.000 đồng, Ng 150.000 đồng, trả tiền thuê xe tải 1.000.000 đồng, số còn lại chia cho các đối tượng bốc vác khác.

Trị giá tài sản thiệt hại (10 kiện bông sợi) của Công ty hữu hạn sợi TN Việt Nam là 87.121.600 đồng.

Vụ thứ 5: Ngày 11/3/2008, Công ty cổ phần vận tải BD phía Nam (địa chỉ tại: 256 HHT, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh) ký hợp đồng vận chuyển lô hàng điện lạnh cho Công ty SNO Việt Nam, sau đó thuê lại Công ty TNHH NDT (địa chỉ tại: số 674/1A, quốc lộ 52, phường HP, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh) vận chuyển từ số 41 đường 17, Khu phố 5, phường LT, quận TĐ đến CBN, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 13/3/2008, Công ty TNHH NDT điều lái xe Phạm Văn M (sinh năm 1979, trú tại: xóm 7, xã TH, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh) điều khiển xe đầu kéo biển số 57K-6231 vận chuyển lô hàng điện lạnh được đóng trong container số TTNU 9888035, số seal 18998, nên M đã móc nối với Võ Ngọc Th và Nguyễn Đức Toàn A đưa xe về bãi xe của Công ty TNHH dịch vụ vận tải NTB để Lun Văn H và Nguyễn Hoàng T khoan phá cửa thùng container, Nguyễn Hồng T3 và Nguyễn Th2 làm nhiệm vụ canh giới. Sau khi phá khóa thùng container, H, T, Nguyễn Văn Ng, Tăng Hồng T1 (sinh năm 1988, trú tại: số 243/147 TĐ, phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh) và khoảng 5 đối tượng khác (không xác định được nhân thân lai lịch) lấy được 68 bộ máy lạnh hiệu SNO và bốc vác lên 02 xe tải nhỏ (không xác định được số xe) mang bán cho Du S 51 bộ với giá 3.050.000 đồng/bộ, bán cho Nguyễn Anh T1 (sinh năm 1974, trú tại: số 558, tổ 4, đường PLA, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh) 03 bộ với giá 3.000.000 đồng/bộ và bảo T1 mang 07 bộ đến nhà Nguyễn Văn X (sinh năm 1955, là em rể Th, trú tại: Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh) để nhờ, còn lại 07 bộ Th bán cho một người đàn ông ở Bình Dương (không biết nhân thân lai lịch) với giá 3.000.000 đồng/bộ.

Số tiền bán được khoảng 200.000.000 đồng, Th được hưởng 45.000.000 đồng, Toàn A được khoảng 97.950.000 đồng, M 45.000.000 đồng, H 1.900.000 đồng, T 2.500.000 đồng, T3 500.000 đồng, Th2 250.000 đồng, Ng 250.000 đồng, T1 150.000 đồng, Nguyễn Văn A1 (bảo vệ) 1.000.000 đồng, Lê Văn Đ1 (bảo vệ) 500.000 đồng, trả tiền thuê xe tải 2.000.000 đồng, số còn lại chia cho những đối tượng bốc xếp khác.

Trị giá tài sản bị thiệt hại (68 bộ máy lạnh SNO) của Công ty vận tải BD phía Nam là 326.400.000 đồng.

Vụ thứ 6: Ngày 10/4/2008, Công ty TNHH vận tải biển VNF (địa chỉ tại: 36 PH, TL, Thành phố Hà Nội) ký hợp đồng vận chuyển hàng bột ngọt cho Công ty AJ Việt Nam tại thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Ngày 11/4/2008, Doanh nghiệp tư nhân HTS (địa chỉ: số 93/81/6, khu phố 8, phường TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai) nhận ủy quyền của Công ty TNHH vận tải biển VNF đã điều xe đầu kéo biển số 60V-2139 do lái xe Trần Văn Tr1 điều khiển, vận chuyển lô hàng bột ngọt được đóng trong 2 container số MLCU 3452369, FSCU 7690247, số seal VFC 29996, VFC 25786 từ nhà máy bột ngọt AJ khu công nghiệp BH 1, tỉnh Đồng Nai đến Cảng KH, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Do có móc nối từ trước nên Tr1 đã thỏa Th với Nguyễn Đức Toàn A đưa xe về bãi xe của Công ty TNHH dịch vụ vận tải NTB để lấy trộm hàng. Th là người chỉ đạo tổ chức việc trộm cắp và tìm nơi tiêu thụ, còn Toàn A phân công

cho Nguyễn Hồng T3 và Nguyễn Th2 cảnh giới, Lun Văn H và Nguyễn Hoàng T khoan phá cửa thùng container, sau đó cùng Nguyễn Văn Ng, Tăng Hồng T1 và khoảng 5 đối tượng khác (không xác định được nhân thân lai lịch) lấy trộm và bốc vác một phần số bột ngọt, hạt nêm trên container, đưa lên 02 xe tải loại nhỏ (không xác định được số xe) mang bán cho Du S được 118.000.000 đồng.

Số tiền thu được sau khi bán tài sản trộm cắp, Th được hưởng 11.700.000 đồng, Toàn A 85.700.000 đồng, T 2.000.000 đồng, H 2.500.000 đồng, Th2 250.000 đồng, T3 500.000 đồng, Ng 150.000 đồng, T1 200.000 đồng, Nguyễn Văn A1 (bảo vệ) 1.000.000 đồng, Lê Văn Đ1 (bảo vệ) 1.000.000 đồng, số còn lại chia cho các đối tượng bốc vác khác.

Trị giá tài sản bị thiệt hại (17.363 kg bột ngọt, hạt nêm) của Công ty TNHH vận tải biển VNF là 493.685.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị can Võ Ngọc Th đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm như đã nêu trên (Bút lục từ số 164 đến số 194). Ngoài ra, bị can còn khai nhận đã tổ chức cho đồng bọn thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản khác, Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Th đang thụ lý giải quyết.

Đối với hành vi phạm tội của các đối tượng Nguyễn Đức Toàn A, Nguyễn Th2, Lun Văn H, Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Hồng T3, Nguyễn Văn Ng, Tăng Hồng T1, Phạm Văn M, Nguyễn Đức T1, Diệp Minh S, Vũ Tr1 Đ, Du S, Nguyễn Anh T1 và Trà Thanh H2 đã bị Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử sơ thẩm và Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định pháp luật, án đã có hiệu lực thi hành.

Đối với Phạm Văn T2, theo Nguyễn Đức Toàn A khai, T2 là người móc nối với Trần Văn Tr1 (lái xe) gây ra vụ trộm cắp hàng bột ngọt ngày 11/4/2008, nhưng hiện Trần Văn Tr1 bỏ trốn, ngoài lời khai của Nguyễn Đức Toàn A không có chứng cứ nào khác chứng minh hành vi của T2. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn X (em rể Th) có hành vi ngày 13/3/2008 đã cất giữ 07 bộ máy lạnh hiệu SNO là tài sản do Th và đồng phạm trộm cắp được. Quá trình điều tra, không có cơ sở chứng minh khi thực hiện hành vi trên thì X biết rõ là tài sản do Th trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

Đối với vật chứng thu giữ trong vụ án và trách nhiệm bồi thường dân sự, đã được xem xét và xử lý tại Bản án sơ thẩm số 2216/2009/HSST ngày 24/8/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nên không đề cập giải quyết.

Tại Cáo trạng số: 13/CT-VKSTC-V2 ngày 23/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã truy tố bị cáo Võ Ngọc Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 205/2021/HS-ST ngày 25/5/2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 58 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Võ Ngọc Th (tên gọi khác: Tr) 16 (mười sáu) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 108/2021/HS-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố DA, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo Th phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là 19 (mười chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định bị cáo Th nộp số tiền 87.400.000 (tám mươi bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/6/2021, bị cáo Võ Ngọc Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Võ Ngọc Th vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Trước khi bị bắt, bị cáo thật sự ăn năn hối cải, trong suốt 12 năm bị cáo không hề vi phạm gì và đã có đóng góp tốt cho xã hội; khi bị bắt, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo là lao động chính trong gia đình có con nhỏ và mẹ già; sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo đã chủ động xin nộp khoản tiền thu lợi bất chính nhưng Cơ quan Thi hành án dân sự không chấp nhận với lý do bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2007 đến tháng 4/2008, bị cáo Võ Ngọc Th đã cùng các đồng phạm thực hiện hành vi phá khóa thùng container, trộm cắp một phần hàng hóa và mang đi bán tại những địa điểm do Th chỉ định để lấy tiền chia nhau. Kết quả điều tra có đủ chứng cứ kết luận, Võ Ngọc Th cùng đồng phạm đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai,

tổng trị giá tài sản bị thiệt hại là 1.586.394.660 đồng. Cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử bị cáo Võ Ngọc Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là tương xứng, đủ đảm bảo cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung. Bị cáo Võ Ngọc Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra được tình tiết nào mới đủ cơ sở để chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị cáo Th, giữ nguyên quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Luật sư Đỗ Hải B bào chữa cho bị cáo Th trình bày:

Bị cáo Võ Ngọc Th cùng đồng phạm có thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai với tổng trị giá tài sản bị thiệt hại là 1.586.394.660 đồng, nên Luật sư thống nhất với tội danh và điều khoản mà cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử đối với bị cáo Võ Ngọc Th về tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, số tiền mà bị cáo Th và đồng phạm chiếm đoạt trong từng vụ, trong 06 vụ trộm cắp tài sản nêu trên, đều có giá trị dưới 500.000.000 đồng, nên Luật sư không đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Th, vì như vậy là gây bất lợi cho bị cáo, không đúng quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Thêm nữa, sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo đã chủ động xin nộp khoản tiền thu lợi bất chính, nhưng Cơ quan Thi hành án dân sự không chấp nhận với lý do bản án chưa có hiệu lực pháp luật, nên cũng cần coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Từ những cơ sở trên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo Th được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị cáo Võ Ngọc Th nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Võ Ngọc Th đã được Luật sư bào chữa theo đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Ngọc Th đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Xét lời khai nhận tội của bị cáo Th phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đủ cơ sở xác định như sau:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2007 đến tháng 4/2008, bị cáo Võ Ngọc Th có vai trò chủ mưu cầm đầu đã móc nối với các lái xe đầu kéo, bàn bạc, thoả Th khi các lái xe vận chuyển container chở hàng hóa cho khách hàng thì đưa vào bến bãi được chuẩn bị sẵn, phá ốc tai cửa thùng container, không làm mất dấu niêm phong (seal) lén lút lấy trộm các tài sản của khách hàng để trong container, sau đó bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Bằng thủ đoạn trên, Võ Ngọc Th đã tổ chức cùng đồng phạm gây ra 06 vụ trộm cắp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.586.394.660 (một tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu ba trăm chín mươi tư nghìn sáu trăm sáu mươi) đồng. Trong vụ án này, bị cáo Võ Ngọc Th được hưởng lợi là 87.400.000 (tám mươi bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng.

[2.1a] Bị cáo Võ Ngọc Th thực hiện hành vi nêu trên từ năm 2007, bị đưa ra xét xử tại thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành và Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Th phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật và đảm bảo áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2.1b] Đối với hành vi phạm tội của các đối tượng là đồng phạm với bị cáo Th trong vụ án này, gồm: Nguyễn Đức Toàn A, Nguyễn Th2, Lun Văn H, Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Hồng T3, Nguyễn Văn Ng, Tăng Hồng T1, Phạm Văn M, Nguyễn Đức T1, Diệp Minh S, Vũ Tr1 Đ, Du S, Nguyễn Anh T1 và Trà Thanh H2, đã bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, án đã có hiệu lực thi hành. Đối với Phạm Văn T2, ngoài lời khai của Nguyễn Đức Toàn A, không có chứng cứ nào khác chứng minh hành vi của T2; do đó, Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[2.2] *Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Võ Ngọc Th như sau:*

[2.2a] Xét hành vi của bị cáo Th đã gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp được pháp luật bảo hộ; gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, uy tín của các doanh nghiệp vận tải trong khu vực địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

[2.2b] Mặt khác, trong vụ án này, bị cáo Võ Ngọc Th phạm tội với vai trò chủ mưu cầm đầu đã tổ chức cho đồng phạm thực hiện liên tiếp 06 vụ trộm cắp tài sản, trong đó mỗi vụ đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên bị cáo Th còn phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự”. Bị cáo Th còn 04 tiền án chưa được xóa án tích đã từng bị đưa ra xét xử về các hành vi xâm phạm quyền sở hữu của công dân nhưng không tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội; do đó, bị cáo còn phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự” đối với bị cáo.

Qua đó xét thấy, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Võ Ngọc Th là tương xứng với tính chất, mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, đủ đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[2.2c] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Ngọc Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra được tình tiết nào mới đủ cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Th, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo.

[2.2d] Tại Bản án số 108/2021/HS-ST ngày 22/4/2021, Tòa án nhân dân thành phố DA, tỉnh Bình Dương đã xử phạt bị cáo Võ Ngọc Th 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nên cần áp dụng quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo.

[3] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Ngọc Th tại phiên tòa phúc thẩm không phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[4] Bị cáo Võ Ngọc Th phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Ngọc Th; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 205/2021/HS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 58 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Võ Ngọc Th (tên gọi khác: Tr) 16 (mười sáu) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 108/2021/HS-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố DA, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo Th phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là 19 (mười chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2020.

+ Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Ngọc Th để đảm bảo thi hành án.

2- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Võ Ngọc Th phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 06 tháng 12 năm 2021/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an TP. Hồ Chí Minh
(tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu: HS, NTHN (19b).

Đỗ Đình Thanh